

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Thái Bình, tháng 08 năm 2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 20



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG
Xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Văn Ty	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Mến	Thành viên
Bà Nguyễn Tuyết Nhung	Thành viên
Bà Hoàng Thị Kim	Thành viên
Ông Đặng Ngọc Thông	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Văn Ty	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Mến	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Vĩnh	Phó Giám đốc
Ông Ngô Lê Quế	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính trong kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hoàng Văn Ty
Giám đốc

Thái Bình, ngày 15 tháng 08 năm 2015

102
CÔ
ÁCH N
KIẾ
V
Đ

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

Tầng 4, 168 Đường Láng, phường Thịnh Quang
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Tel: (84-4) 3577 0781/ Fax: (84-4) 3577 0787
W: www.vaco.com.vn/ E: vacohn@vaco.com.vn

Số: 248 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15/08/2015, từ trang 03 đến trang 20 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính"). Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Minh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2015

Bùi Thị Phương
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 2369-2013-156-1

Văn phòng Hồ Chí Minh
Lầu 6, số 159 Điện Biên Phủ, P.15
Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 3510 2210 Fax: (84-8) 3510 2210

Văn phòng Hải Phòng
499 Quán Toan, P. Quán Toan
Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng
Tel: (84-24) 353 4655 Fax: (84-24) 353 4346

NG
NIỆM
TC
C
T

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

MẪU B 01a-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		48.593.861.995	43.894.950.835
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.887.567.426	525.736.746
1. Tiền	111	5	2.887.567.426	525.736.746
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.541.905.669	21.934.664.823
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	7.976.439.567	4.503.664.823
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	14.216.016.104	13.781.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.000.000.000	3.650.000.000
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(650.550.002)	-
III. Hàng tồn kho	140	9	22.132.840.488	21.000.051.082
1. Hàng tồn kho	141		22.132.840.488	21.000.051.082
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.031.548.412	434.498.184
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	1.031.548.412	434.498.184
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		30.593.558.238	31.176.652.725
I. Tài sản cố định	220		10.161.568.585	10.978.496.796
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	10.161.568.585	10.978.496.796
- Nguyên giá	222		15.369.491.443	15.711.438.943
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.207.922.858)	(4.732.942.147)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	20.000.000.000	20.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		20.000.000.000	20.000.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		431.989.653	198.155.929
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	431.989.653	198.155.929
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		79.187.420.233	75.071.603.560

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

MẪU B 01a-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		21.283.869.711	18.929.631.405
I. Nợ ngắn hạn	310		21.283.869.711	18.929.631.405
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	7.151.024.295	6.725.127.153
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	12.869.739.247	11.333.387.406
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	1.154.323.899	802.505.186
4. Phải trả ngắn hạn khác	319		108.782.270	68.611.660
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		57.903.550.522	56.141.972.155
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	57.903.550.522	56.141.972.155
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		52.500.000.000	52.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		52.500.000.000	52.500.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.403.550.522	3.641.972.155
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.641.972.155	3.641.972.155
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.761.578.367	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		79.187.420.233	75.071.603.560



Hoàng Văn Ty
Giám đốc
Thái Bình, ngày 15 tháng 08 năm 2015

Vũ Thị Hằng
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hằng
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Mẫu B 02a-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
			đến 30/06/2015	đến 30/06/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	22.860.966.555	9.349.070.515
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		22.860.966.555	9.349.070.515
3. Giá vốn hàng bán				
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	11	18	17.293.287.444	7.501.846.302
5. Doanh thu hoạt động tài chính				
6. Chi phí bán hàng	21		125.530	920.024
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	20	892.889.200	456.839.594
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - (25 + 26)}	26	21	2.340.771.460	827.386.585
9. Thu nhập khác	30		2.334.143.981	563.918.058
10. Chi phí khác	31		100.000.000	-
11. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	32		175.710.178	-
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	40		(75.710.178)	-
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	50		2.258.433.803	563.918.058
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	51	22	496.855.436	124.061.972
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	60		1.761.578.367	439.856.086
	70		404	126



Hoàng Văn Ty
Giám đốc
Thái Bình, ngày 15 tháng 08 năm 2015

Vũ Thị Hằng
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hằng
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Mẫu B 03a-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU

Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Lợi nhuận trước thuế		
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		
- Các khoản dự phòng		
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu		
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho		
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	01	563.918.058
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	02	817.898.692
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	03	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	05	(920.024)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	08	1.380.896.726
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	09	(11.986.262.850)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	10	(375.663.450)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	11	6.347.085.731
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	12	262.336.883
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	20	(4.371.606.960)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	22	-
	25	-
	27	(10.000.000.000)
	30	920.024
	31	(9.999.079.976)
	40	-
	50	17.500.000.000
	60	17.500.000.000
	61	2.361.830.680
	66	3.129.313.064
	67	525.736.746
	68	773.806.820
	70	2.887.567.426
		3.903.119.884



Hoàng Văn Ty
Giám đốc
Thái Bình, ngày 15 tháng 08 năm 2015

Vũ Thị Hằng
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hằng
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu B 09a-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Tiến Trung được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1000332857 ngày 10/04/2003 và được đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 17/12/2010. Cho đến nay, Công ty đã được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 26/04/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 7 ngày 26/04/2014 là 52.500.000.000 đồng.

Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh như sau:

Danh sách cổ đông sáng lập	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
Hoàng Văn Ty	655.400	6.554.000.000	12,5
Nguyễn Tuyết Nhung	500.000	5.000.000.000	9,5
Nguyễn Thị Mến	275.000	2.750.000.000	5,2
Đặng Ngọc Thông	157.500	1.575.000.000	3,0
Hoàng Thị Kim	157.500	1.575.000.000	3,0
Cộng	1.745.400	17.454.000.000	33,2

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2015 là 37 người (tại ngày 31/12/2014 là 143 người). Trong kỳ, phần lớn công nhân đã được chuyển sang công ty con làm việc theo hợp đồng thời vụ từ ngày 02/01/2015.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải;
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất bộ đá xây dựng, sản xuất đá mài, đá rằm, đá đánh bóng và các sản phẩm đá tự nhiên, đá nhân tạo (bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp như giấy cát...); Sản xuất đá xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết, bán buôn xi măng, gạch xây, ngói đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vecni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty con:

- Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01 đến ngày 30/06 hàng năm.

Các bên liên quan

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong kỳ bao gồm:

- Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình là công ty con do Công ty sở hữu 100%;
- Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2015, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2015/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính bán niên cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09a-DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho là cát, đá được Công ty kiểm kê dựa vào hình dáng của đồng cát, đá sau đó đo đạc chiều cao, chiều dài và chiều rộng của khối cát hoặc đồng đá để tính ra khối lượng tồn kho của mỗi loại. Ban Giám đốc tin tưởng rằng phương pháp kiểm kê này là phù hợp, số dư hàng tồn kho trình bày trên báo cáo tài chính là hợp lý.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	05-15
Máy móc thiết bị	08-12
Phương tiện vận tải	03-10

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty con (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ 02 đến 03 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	2.876.675.309	520.714.052
Tiền gửi ngân hàng	10.892.117	5.022.694
	2.887.567.426	525.736.746

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	7.976.439.567	4.503.664.823
Công ty TNHH Thiên An Sơn	2.451.120.679	460.138.719
Công ty TNHH Phú Anh Đạt	1.565.850.000	-
Công ty TNHH Long Triều	1.301.100.003	1.301.100.003
Nguyễn Bảo Anh	1.028.575.000	-
Đối tượng khác	1.629.793.885	2.742.426.101

Tại ngày 30/06/2015, Công ty có một số khoản nợ phải thu đã bị quá hạn thanh toán trên 01 năm với giá trị là 522.732.579 đồng, tuy nhiên toàn bộ các khoản nợ phải thu này đều đã có cam kết thanh toán của khách hàng (trong khoảng thời gian từ tháng 09 đến tháng 11/2015). Do đó, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng vào khả năng thu hồi công nợ của các khoản nợ phải thu đã bị quá hạn thanh toán nói trên nên chưa xem xét trích lập thêm dự phòng trong kỳ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG
Xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015
đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09a-DN

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ Trường Sơn (i)	13.680.000.000	13.680.000.000
Công ty TNHH Ô tô và thiết bị chuyên dùng Sao Bắc	322.000.000	-
Các đối tượng khác	214.016.104	101.000.000
Cộng	14.216.016.104	13.781.000.000

Ghi chú: (i) Công ty ứng trước tiền cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ Trường Sơn để mua dây chuyền máy nghiền đá từ năm 2014. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại Công ty không có nhu cầu mua máy nên Công ty đã thanh lý hợp đồng mua dây truyền máy nghiền đá vào ngày 29/7/2015 và đã thu hồi lại toàn bộ số tiền 13.680.000.000 đồng đã tạm ứng trong cùng ngày.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
Tạm ứng (i)	1.000.000.000	-	3.650.000.000	-
	1.000.000.000	-	3.650.000.000	-

Ghi chú: (i) Số dư đầu kỳ thay đổi do trình bày lại số dư tạm ứng theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

9. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu vật liệu	1.887.349.616	-	1.506.424.211	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	12.493.083.992	-	15.064.423.215	-
Hàng hoá	7.752.406.880	-	4.429.203.656	-
Cộng	22.132.840.488	-	21.000.051.082	-

Ghi chú: (*) Trong đó chủ yếu là chi phí phát sinh liên quan đến việc xây dựng nhà máy gạch Tuynel Phong Phú tại xóm Trộng, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình chưa hoàn thành. Dự kiến sau khi xây dựng hoàn thành, nhà máy sẽ được chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình (Công ty con) quản lý và sử dụng.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.031.548.412	434.498.184
	1.031.548.412	434.498.184
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	431.989.653	198.155.929
	431.989.653	198.155.929
Cộng	1.463.538.065	632.654.113

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2015	7.454.066.769	2.876.147.186	5.381.224.988	15.711.438.943
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(341.947.500)	(341.947.500)
Tại ngày 30/06/2015	7.454.066.769	2.876.147.186	5.039.277.488	15.369.491.443
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2015	1.481.948.019	1.284.040.556	1.966.953.572	4.732.942.147
- Khấu hao trong kỳ	264.907.086	122.616.858	253.694.089	641.218.033
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(166.237.322)	(166.237.322)
Tại ngày 30/06/2015	1.746.855.105	1.406.657.414	2.054.410.339	5.207.922.858
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2015	5.972.118.750	1.592.106.630	3.414.271.416	10.978.496.796
Tại ngày 30/06/2015	5.707.211.664	1.469.489.772	2.984.867.149	10.161.568.585

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG
Xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015
đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÀU B 09a-DN

2. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	20.000.000.000	20.000.000.000	-	20.000.000.000
- Đầu tư vào công ty con	20.000.000.000	20.000.000.000	-	20.000.000.000

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào Công ty con tại ngày 30/06/2015 như sau:

Công ty con	30/06/2015		01/01/2015	
	Tỷ lệ biểu quyết sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %	Tỷ lệ biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiên Trung Hòa Bình	100%	100%	100%	100%

Tóm tắt tình hình hoạt động của Công ty con:

Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiên Trung Hòa Bình được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5400411211 ngày 19/09/2012. Công ty trong giai đoạn đầu tư xây dựng dự án Nhà máy gạch Tuynel Phong Phú tại xóm Trông, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình theo Giấy chứng nhận đầu tư số 25121000413 ngày 10/06/2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hòa Bình với thời gian đầu tư xây dựng dự án dự kiến từ tháng 05/2013 đến tháng 12/2014. Nhà máy đã đi vào hoạt động ổn định và có doanh thu từ tháng 01/2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG
Xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015
đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND		VND
Công ty TNHH Thép Hoàng Đạo	1.099.954.885	1.099.954.885	1.099.954.885	1.099.954.885
Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiên Trung Hòa Bình	1.095.600.000	1.095.600.000	545.600.000	545.600.000
Công ty CP Thương mại Xăng Dầu Phát - Chi nhánh Ninh Bình	880.000.000	880.000.000	-	-
Các đối tượng khác	4.075.469.410	4.075.469.410	5.079.572.268	5.079.572.268
Tổng	7.151.024.295	7.151.024.295	6.725.127.153	6.725.127.153

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiên Trung Hòa Bình	12.109.112.000	10.778.300.000
Công ty TNHH Ô tô và thiết bị Thiên Trường Long	324.000.000	-
Công ty CP Đầu tư và Công nghệ Trường Sơn	230.370.000	230.370.000
Đối tượng khác	206.257.247	324.717.406
Cộng	12.869.739.247	11.333.387.406

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2015
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	182.247.154	2.296.096.657	2.441.133.380	37.210.431
Thuế TNDN	615.681.191	496.855.436	-	1.112.536.627
Thuế TNCN	4.576.841	-	-	4.576.841
Cộng	802.505.186	2.792.952.093	2.441.133.380	1.154.323.899

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09a-DN

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Đơn vị: VND		
	Vốn điều lệ	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2014	35.000.000.000	2.638.380.498	37.339.499.363
Tăng vốn trong kỳ	17.500.000.000	-	17.500.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	1.003.591.657	1.003.591.657
Số dư tại ngày 01/01/2015	52.500.000.000	3.641.972.155	56.141.972.155
Lợi nhuận trong kỳ	-	1.761.578.367	1.761.578.367
Số dư tại ngày 30/06/2015	52.500.000.000	5.403.550.522	57.903.550.522

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 7 ngày 26/04/2014, Vốn điều lệ của Công ty là 52.500.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

Danh sách cổ đông sáng lập	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 7		Vốn đã góp	
	VND	%	30/06/2015	01/01/2015
	VND		VND	VND
Nguyễn Xuân Khoa	9.000.000.000	17,1%	9.000.000.000	9.000.000.000
Hoàng Văn Ty	6.554.000.000	12,5%	6.554.000.000	6.554.000.000
Nguyễn Tuyết Nhung	5.000.000.000	9,5%	5.000.000.000	5.000.000.000
Nguyễn Thị Mến	2.750.000.000	5,2%	2.750.000.000	2.750.000.000
Nguyễn Thị Kim	2.500.000.000	4,8%	2.500.000.000	2.500.000.000
Nguyễn Văn Nam	2.400.000.000	4,6%	2.400.000.000	2.400.000.000
Nguyễn Thị Linh	2.000.000.000	3,8%	2.000.000.000	2.000.000.000
Vũ Văn Vân	1.600.000.000	3,0%	1.600.000.000	1.600.000.000
Đặng Ngọc Thông	1.575.000.000	3,0%	1.575.000.000	1.575.000.000
Hoàng Thị Kim	1.575.000.000	3,0%	1.575.000.000	1.575.000.000
Các cổ đông khác	17.546.000.000	33,4%	17.546.000.000	17.546.000.000
Cộng	52.500.000.000	100%	52.500.000.000	52.500.000.000

Cổ phiếu

	30/06/2015	01/01/2015
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.250.000	5.250.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.250.000	5.250.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.250.000	5.250.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.250.000	5.250.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG
Xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015
đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09a-DN

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	7.715.853.624	2.039.897.992
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.145.112.931	7.309.172.523
Cộng	22.860.966.555	9.349.070.515

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	6.089.739.200	1.133.758.274
Giá vốn dịch vụ	11.203.548.244	6.368.088.028
Cộng	17.293.287.444	7.501.846.302

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.043.441.970	5.357.249.829
Chi phí nhân công trực tiếp	1.283.543.160	892.019.160
Chi phí khấu hao tài sản cố định	641.218.033	817.898.692
Chi phí dịch vụ mua ngoài	623.463.923	403.693.959
Chi phí khác	970.706.880	197.468.866
Cộng	9.562.373.966	7.668.330.506

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	351.663.680	148.814.696
Chi phí khấu hao tài sản cố định	158.920.296	150.900.773
Chi phí dịch vụ mua ngoài	382.305.224	157.124.125
Cộng	892.889.200	456.839.594

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	551.425.554	60.079.312
Chi phí nhân công trực tiếp	518.796.600	328.383.120
Chi phí khấu hao tài sản cố định	111.483.727	142.782.023
Chi phí dịch vụ mua ngoài	241.158.699	98.673.264
Chi phí khác	917.906.880	197.468.866
Cộng	2.340.771.460	827.386.585

6
T
H
H
Đ
Á
I
P

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.258.433.803	563.918.058
Thu nhập chịu thuế	2.258.433.803	563.918.058
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	496.855.436	124.061.973
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	496.855.436	124.061.973

Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.887.567.426	525.736.746	2.887.567.426	525.736.746
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.325.889.565	8.153.664.823	8.325.889.565	8.153.664.823
Đầu tư tài chính dài hạn	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Tổng cộng	31.213.456.991	28.679.401.569	31.213.456.991	28.679.401.569
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán và phải trả khác	7.259.806.565	6.793.738.813	7.259.806.565	6.793.738.813
Tổng cộng	7.259.806.565	6.793.738.813	7.259.806.565	6.793.738.813

Các loại công cụ tài chính

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09a-DN

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không phát sinh các khoản vay, tiền gửi có giá trị lớn theo đó, Công ty không đánh giá ảnh hưởng của rủi ro thị trường liên quan đến lãi suất; các rủi ro liên quan đến tỷ giá hối đoái, Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tại 30/06/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.887.567.426	-	2.887.567.426
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.325.889.565	-	8.325.889.565
Đầu tư tài chính dài hạn	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Tổng cộng	11.213.456.991	20.000.000.000	31.213.456.991
Tại 30/06/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	7.259.806.565	-	7.259.806.565
Tổng cộng	7.259.806.565	-	7.259.806.565
Chênh lệch thanh khoản thuần	3.953.650.426	20.000.000.000	23.953.650.426

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Tại 01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	525.736.746	-	525.736.746
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.153.664.823	-	8.153.664.823
Đầu tư tài chính dài hạn	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Tổng cộng	8.679.401.569	20.000.000.000	28.679.401.569
Tại 01/01/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	6.793.738.813	-	6.793.738.813
Tổng cộng	6.793.738.813	-	6.793.738.813
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.885.662.756	20.000.000.000	21.885.662.756

Mức chênh lệch thanh khoản ròng của Công ty đều dương chứng tỏ khả năng thanh khoản của Công ty được đánh giá khá tốt. Tuy nhiên, Công ty đã thực hiện giám sát rủi ro về thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

24. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015 của Công ty.

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01/01/2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/6/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Hoàng Văn Ty
Giám đốc
Thái Bình, ngày 15 tháng 08 năm 2015

Vũ Thị Hằng
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hằng
Người lập biểu